

Bản án số: 196/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Danh Thị Thu B, sinh ngày 01/01/1986 (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số 094186XXXX.

- Bị đơn: Anh Lý N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số 094082XXXX.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2026, quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Danh Thị Thu B trình bày: Chị B và anh Lý N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã T, thành phố Cần Thơ), giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 17/3/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau cách nay gần 10 năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị B và anh N có một người con chung là cháu Lý Thị Thu T, sinh ngày 03/3/2006, hiện nay đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự sinh sống.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Bị đơn anh Lý N đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, công khai tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Thu B được ly hôn với anh Lý N; về con chung đã đủ 18 tuổi, tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Danh Thị Thu B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lý N, bị đơn cư trú tại xã T, Thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nguyên đơn chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lý N vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lý N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn: Chị Danh Thị Thu B và anh Lý N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2005 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị B khởi kiện ly hôn, cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau, anh N không có văn bản phản đối yêu cầu của chị B. Hội đồng xét xử xét thấy, kết quả xác minh cho thấy vợ chồng chị B, anh N không cùng sinh sống với nhau, chị B sống bên gia đình chị B, anh N sống bên gia đình anh N, như vậy cho thấy đời sống vợ chồng thực tế có phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, nay chị B nhận thấy không thể hàn gắn, nếu tiếp tục kéo dài mục đích cuộc sống hôn

nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Chị B và anh N có một người con chung là cháu Lý Thị Thu T, sinh ngày 03/3/2006, hiện nay đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc ly hôn.

[5] Chị B là người khởi kiện phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Thị Thu B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Thu B được ly hôn với anh Lý N.
2. Về con chung: Con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.
4. Về án phí: Chị Danh Thị Thu B phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0012401 ngày 17/6/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, chị B đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Tân Long,
Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Phượng